TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 20 - 4 - 2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Lẫm

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Quang.

Bà Trương Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi lại tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST - DS, ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm: 1971

Địa chỉ cư trú: Khu vực H, phường T, thị xã M, tỉnh HG. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng T.

Địa chỉ cư trú: Khu vực 5, phường A, thị xã M, tỉnh HG. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Kim L trình bày: Vào ngày 15/4/2020 âm lịch (trước) bà Trần Thị Hồng T có mượn của bà số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 09/4/2020 âm lịch (sau) (do nhuần 2 tháng 4) bà T mượn thêm 6.000.000 đồng, đến ngày 18/4/2020 âm lịch (sau) bà T mượn thêm 4.000.000 đồng, tổng cộng 16.000.000 đồng, việc mượn tiền bà T có làm biên nhận. Bà T đã trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 13.000.000 đồng chưa trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Hồng T trả cho bà số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đối với bị đơn bà Trần Thị Hồng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung vụ án: Bà Võ Thị Kim L trình bày ngày 15/4/2020 âm lịch (trước) bà Trần Thị Hồng T có mượn của bà số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 09/4/2020 âm lịch (sau) (do nhuần 2 tháng 4) bà T mượn thêm 6.000.000 đồng, đến ngày 18/4/2020 âm lịch (sau) bà T mượn thêm 4.000.000 đồng, tổng cộng là 16.000.000 đồng. Bà T đã trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 13.000.000 đồng, bà yêu cầu bà T trả số nợ còn lại 13.000.000 đồng. Còn bà T vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà L. Việc tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 15/4/2020 âm lịch (trước) bà T có mượn của bà L số tiền 6.000.000 đồng, đến ngày 9/4/2020 âm lịch (sau) (do nhuần 2 tháng 4) bà T mượn thêm 6.000.000 đồng, ngày 18/4/2020 âm lịch (sau) bà T tiếp tục mượn thêm 4.000.000 đồng, tổng cộng 16.000.000 đồng. Việc mượn tiền bà T có ký tên vào từng ngày mượn tiền. Bà T đã trả được 3.000.000 đồng trong tổng số 16.000.000 đồng, trả theo hình thức trả góp, hiện bà T còn nợ lại 13.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu

cầu khởi kiện của mình bà L cung cấp biên nhận thể hiện từng lần bà T mượn tiền. Cụ thể ngày 15/4/2020 âm lịch bà T mượn 6.000.000 đồng, ngày 09/4/2020 âm lịch sau mượn 6.000.000 đồng, ngày 18/4/2020 âm lịch sau bà T mượn 4.000.000 đồng, các lần mượn bà T có ký tên vào cùng một biên nhận. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T để xác định bà có mượn số tiền đúng như trong biên nhận và lời trình bày của bà L hay không, chữ ký trong các lần mượn tiền có phải của bà hay không, nhưng bà T vắng mặt không lý do.

[5] Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định " *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc* ". Tại phiên tòa bà L thừa nhận trong tổng số tiền bà T mượn 16.000.000 đồng bà T đã trả được 3.000.000 đồng còn nợ lại 13.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của bà L và biên nhận ngày 15/4/2020 âm lịch, 9/4/2020 âm lịch (sau), 18/4/2020 âm lịch (sau) buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền mượn còn nợ là 13.000.000 đồng.

[6] Bà Trần Thị Hồng T còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 105, 357, 494, 495, 496 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim L.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim L số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng (*mười ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Võ Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Hồng T phải chịu 650.000 đồng (*sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Võ Thị Kim L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 325.000 đồng (*ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005147 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Võ Thị Kim L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/4/2021). Bị đơn bà Trần Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Lẫm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.